

Bản án số: 83/2020/HS-ST
Ngày 12/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG -THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ông Đoàn Xuân Miến.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Q Đạo – Cán bộ Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên
tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Lương Kim T (gọi khác: Lương Kim H), sinh năm 1965 tại Hà Nội; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số VII , xóm L, phường T, quận H, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lương Kim T1 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị C (đã chết); Vợ là Vũ Thị Tuyết C (đã chết); Có 2 con (con lớn sinh 2002, con nhỏ sinh 2018); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Có 07 tiền án đã được xóa án tích: Ngày 11/6/1983 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và trộm cắp tài sản công dân (đã xóa án tích); Ngày 18/10/1986, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân. Ngày 6/12/1986, Tòa phúc thẩm Tòa án Hà Nội xử y án (đã xóa án tích); Ngày 25, 30/7/1988, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 6 tháng tù về tội chống người thi hành công vụ, 6 tháng tù về tội trốn khỏi nơi giam giữ, 24 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản của công dân. Tổng hợp hình phạt của cả 3 tội là 36 tháng tù. Buộc T phải thụ hình tiếp hình phạt 30 tháng tù của bản án 331 ngày 18/10/1986 là 5 năm 6 tháng 19 ngày (đã xóa án tích); Ngày 29, 30/12/1988 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 10 năm 6 tháng tù về tội Giết người (đã xóa án tích); Ngày 30/9/1997 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 54 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã xóa án tích); Ngày 24/9/2004 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội xử phạt

30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích); Ngày 30/01/2008 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 3 năm tù về tội Đánh bạc, 3 năm tù về tội Tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt cả 2 tội là 6 năm tù. Ngày 28/4/2008, Tòa phúc thẩm tại Hà Nội xử y án (đã xóa án tích). (Theo Danh chỉ bản số 310 lập ngày 10/10/2019 tại Công an quận Hai Bà Trưng, Hà Nội). Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/8/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* 1. Anh Sùng A C, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Xã C, huyện M, tỉnh Y. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện H, Thái Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 09 tháng 8 năm 2019, Lương Kim T điều khiển xe máy Honda Vision màu đỏ BKS 29D2- 04xxx đi từ nhà tại địa chỉ số VII đến khu nhà trọ số 44B ngõ 461 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội thấy công khu trọ mở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào phòng trọ cuối dãy thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8.1 màu đen đang cắm sạc để dưới chân anh Sùng A C. Thấy anh C đang ngủ, T liền lên vào lấy trộm chiếc điện thoại trên cất vào túi quần và tiếp tục sang phòng trọ bên cạnh. Tại đây, T thấy có 01 điện thoại di động Iphone 6Plus đang cắm sạc để trên đầu giường chỗ anh Nguyễn Minh Q đang ngủ, T liền lấy cất vào túi quần rồi tiếp tục đi sang phòng trọ của anh Giàng A C thì bị anh Sùng A C phát hiện hô hoán nhân dân bắt giữ đưa T lên Công an phường Vĩnh Tuy trình báo.

Tại cơ quan công an Lương Kim T đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 6 Plus và 01 điện thoại Nokia 8.1 đã qua sử dụng; 01 chiếc kéo tay cầm bằng nhựa; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 29D2-04xxx và khai nhận hành vi phạm tội như trên. Anh Sùng A C khai khi bị phát hiện T đã dùng một chiếc kéo đâm vào mạng sườn của anh C nhưng T không thừa nhận hành vi dùng kéo chống trả anh Sùng A C để tẩu thoát.

Tại kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐ ĐGTS, ngày 26/8/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hai Bà Trưng định giá 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 6 Plus, 16Gb đã qua sử dụng có trị giá 3.500.000 đồng và 01 điện thoại Nokia 8.1 đã qua sử dụng có trị giá 3.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 7.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 28/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng đã truy tố bị cáo Lương Kim T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa ngày 20/02/2020, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng điều tra bổ sung yêu cầu tiến hành đối chất giữa bị cáo Lương Kim T và người bị hại là anh Sùng A C để làm rõ hành vi bị cáo T sử dụng chiếc kéo đâm vào mạng sườn anh Sùng A C khi bị phát hiện.

Kết quả điều tra bổ sung xác định: Bị cáo Lương Kim T và người bị hại là anh Sùng A C từ chối đối chất. Lương Kim T không thừa nhận hành vi dùng kéo đâm anh Sùng A C, ngoài lời khai của anh C, không có nhân chứng chứng kiến sự việc, không có căn cứ để kết luận Lương Kim T có hành vi dùng kéo đâm anh Sùng A C. Tại công văn số 56/BC-VKS ngày 28/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng giữ nguyên cáo trạng và quan điểm truy tố Lương Kim T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa ngày 12/5/2020, Lương Kim T giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Lương Kim T từ 18 – 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại: Anh Sùng A C và anh Nguyễn Minh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy tại cơ quan điều tra và các tài liệu có trong hồ sơ, người bị hại đã có lời khai rõ ràng, đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự. Sự vắng mặt của người bị hại không làm ảnh hưởng đến việc xét xử và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người bị hại. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại theo thủ tục chung.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm

chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 09/8/2019, tại khu nhà trọ số 44B ngõ 461 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội, lợi dụng sơ hở của người có tài sản, Lương Kim T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Sùng A C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8.1 màu đen trị giá 3.500.000 đồng, chiếm đoạt của anh Nguyễn Minh Q 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus có trị giá 3.500.000. Tổng trị giá tài sản T chiếm đoạt là 7.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố bị cáo theo tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình lo lắng cho nhân dân. Do vậy để đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4] Về nhân thân: Từ năm 1982 đến năm 2008, bị cáo đã có 07 tiền án trong đó có 05 tiền án về các tội Trộm cắp tài sản, cưỡng đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy các án tích này đã được xóa nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, đã được các cơ quan có thẩm quyền nhiều lần giáo dục cải tạo nhưng không chịu sửa chữa mà vẫn tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo và làm bài học, răn đe người khác. Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp từ hai lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HondaVision, BKS 29D2-04xxx, số khung: RLHJF580XEY518470, số máy: JF58E0403853. Quá trình điều tra xác minh, chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thúy (trú tại: số 16 tổ 18 phố Đông Thiên, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội). Năm 2017, chị Thúy để xe tại khu vực Chợ Mơ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội thì bị mất nhưng chị chưa trình báo với cơ quan công an. Ngày 9/12/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng tách tài liệu liên quan đến chiếc xe trên để xác minh làm rõ sau là có căn cứ.

Đối với chiếc kéo tay cầm bằng nhựa, T khai mang đi để phòng thân nên cần tịch thu sung công.

[7] Về phần dân sự: Người bị hại anh Sùng A C và anh Nguyễn Minh Q đã được nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Lương Kim T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lương Kim T **22** (*hai mươi hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lương Kim T.

3. Về vật chứng: Tịch thu sung công 01 chiếc kéo dài khoảng 20 cm tay cầm bằng nhựa.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng ngày 17/12/2019)

4. Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xét.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lương Kim T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)